

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2018/DS-ST  
Ngày 14 – 8 – 2018  
V/v tranh chấp chia thừa kế

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Cúc
2. Ông Nguyễn Văn Chiến

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Cúc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên toà:***  
Ông Ngô Kiên Định - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 23 tháng 7 và ngày 13, 14 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 470/2017/TLST-DS, ngày 24 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp chia thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 396/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Lý Thị Ngọc L; cư trú tại số 4/16, đường L, khóm N, phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*** Luật sư Trần Tiên D là Luật sư của Văn phòng Luật sư Huỳnh Q thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

***- Bị đơn:*** Chị Lý Thị Ngọc A; nơi cư trú cuối cùng tại số 4/16, đường L, khóm N, phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

***- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Ông Thị Thùy L1; cư trú tại số 214, ấp T, xã Th, huyện P, tỉnh H.

***Người đại diện theo ủy quyền của chị Linh:*** Bà Lý Thị Ngọc L; cư trú tại số 4/16, đường L, khóm N, phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo văn bản ủy quyền ngày 21/02/2018 (có mặt).

2. Anh Ông Chí H; cư trú tại số 74, đường P, thị trấn M, huyện X, tỉnh S.

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Hùng:* Bà Lý Thị Ngọc L; cư trú tại số 4/16, đường L, khóm N, phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo văn bản ủy quyền ngày 02/02/2018 (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Cụ Nguyễn Văn Cầu và cụ Lý Kim Lang chung sống với nhau không có con chung nên năm 1955, hai cụ nhận bà Lý Thị Ngọc L làm con nuôi. Trong thời gian chung sống, giữa các cụ xảy ra mâu thuẫn nên sống ly thân với nhau đến khoảng năm 1958, cụ Lang đưa bà L về Cà Mau sinh sống, cụ Cầu sống tại tỉnh Sóc Trăng và chết năm 1969, hai cụ chung sống với nhau cũng không có tài sản chung. Quá trình sinh sống tại Cà Mau, cụ Lang tạo lập được khối tài sản gồm: nhà, đất tọa lạc tại số 4/16, đường L, khóm N, phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau có diện tích theo đo vẽ thực tế đối với phần đất là 102,5m<sup>2</sup> và căn nhà trước là 110,1m<sup>2</sup>, nhà sau 31,4m<sup>2</sup>. Ngoài số tài sản trên, cụ Lang không còn tài sản nào khác. Ngày 26/01/1999, cụ Lang lập di chúc có hai người làm chứng và được UBND phường M, thị xã Cà Mau (nay là Tp.Cà Mau) chứng thực vào ngày 03/02/1999, nội dung di chúc cụ Lang để lại nhà, đất trên cho bà L cùng cháu ngoại là Lý Thị Ngọc A (con nuôi của bà L) và hai người cháu ruột của cụ là chị Ông Thị Thùy L1, anh Ông Chí H quản lý, dùng làm của để hương hỏa. Cụ Lang chết ngày 03/01/2006 nên đến ngày 17/8/2006, bà L cùng chị A đến UBND phường M yêu cầu công bố di chúc thì mới phát hiện chị A cũng có giữ tờ di chúc và chị A cho rằng do cụ Lang lập ngày 04/3/2004 có bà Nguyễn Thị Bích Liên, bà Lê Thị Tư ký chứng kiến, nội dung di chúc cụ bà chỉ để lại nhà, đất trên cho bà L cùng chị A. Từ đó, bà L không đồng ý ký tên vào biên bản công bố di chúc và khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau vào ngày 31/10/2006 để yêu cầu chia thừa kế theo di chúc.

Trong thời gian giải quyết vụ án, bà L yêu cầu giám định chữ ký của cụ Lang trong tờ di chúc ngày 04/3/2004, kết quả giám định năm 2010 xác định chữ ký trong tờ di chúc trên không phải của cụ Lang. Đến năm 2011, Phân viện khoa học hình sự tại TP.Hồ Chí Minh kết luận chữ ký của cụ Lang trong tờ di chúc ngày 04/3/2007 có một số đặc điểm giống nhau nhưng không đủ cơ sở để truy nguyên người ký, kết luận giám định trên bà L không đồng ý với lý do cụ Lang không có để lại tờ di chúc nào vào ngày 04/3/2007, việc giám định chỉ có một giám định viên thực hiện là không khách quan nên bà L cho rằng kết luận của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Cà Mau là đúng. Tuy nhiên, do thời gian giải quyết vụ án kéo dài, bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án công nhận tờ di chúc do cụ Lang lập ngày 26/01/1999 và tờ di chúc được lập không ghi ngày, tháng, năm (sau đó, tờ di chúc này ghi ngày 04/3/2004) thì tờ di chúc nào là hợp pháp nên ngày 20/02/2013, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do không thuộc thẩm quyền. Ngày 25/02/2013, bà L cùng chị Ông Thị Thùy L1 kháng cáo nhưng không được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau chấp nhận và có nhận định nguyên đơn không yêu

cầu phân chia di sản thừa kế mà chỉ yêu cầu xem xét tính hợp pháp của di chúc nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Hiện nhà, đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu do chị A bỏ địa phương đi từ năm 2008 cho đến nay, không rõ tin tức nên chưa làm được giấy chứng nhận quyền sở hữu. Sau đó, bà L nộp đơn yêu cầu Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị A và được Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau chấp nhận ra quyết định vào ngày 16/6/2017 nhưng hết thời hạn thông báo vẫn không có tin tức gì của chị A. Ngày 24/11/2017, bà L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản trên của cụ Lang làm 04 phần bằng nhau cho 04 người theo chỉ định của cụ Lang trong di chúc lập ngày 26/01/1999. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà L cho rằng do di chúc cụ Lang lập để lại di sản dùng vào việc thờ cúng nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình của bà cùng những người cháu của cụ Lang được cụ chỉ định trong di chúc gặp rất nhiều khó khăn, phải đi xa xứ làm thuê sinh sống nên bà L yêu cầu chia di sản trên làm 05 phần bằng nhau gồm: bà L, chị A, chị L1, anh H và một phần để lại dùng vào việc thờ cúng. Chị L1, anh H cũng thống nhất chia di sản trên nhưng anh, chị chỉ yêu cầu được nhận giá trị và giao lại kỹ phần thừa kế được hưởng cho bà L toàn quyền sở hữu, bà L có trách nhiệm hoàn lại giá trị cho anh, chị. Riêng kỹ phần dùng vào việc thờ cúng anh, chị cũng giao cho bà L quản lý, bà L cũng đồng ý và không đặt ra việc hưởng thù lao. Đối với kỹ phần thừa kế chị A được hưởng, do chị A vắng mặt tại nơi cư trú nên bà L yêu cầu được nhận hiện vật và nhận trách nhiệm quản lý giá trị kỹ phần thừa kế của chị A được hưởng, khi nào chị A trở về bà sẽ giao lại.

Người bảo vệ quyền, lợi ích của nguyên đơn trình bày: Di chúc cụ Lang lập ngày 26/9/1999 là hợp pháp nên căn cứ vào các Điều 631, 632, khoản 2 Điều 637, 646, 647, 652, điểm a khoản 1 Điều 653 của Bộ luật dân sự năm 2005 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Riêng ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Về án phí xử lý theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng, chị A đã được Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về chia thừa kế, cụ thể là chia thừa kế theo di chúc đối với di sản của cụ Lang để lại gồm: nhà có tổng diện tích là 141,5m<sup>2</sup> và đất có diện tích 102,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại số 4/16, đường L, khóm N, phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo bản vẽ ngày 27/3/2018 (bút lục 90).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L và chị L1, anh H cùng thống nhất yêu cầu chia thừa kế di sản trên theo di chúc làm 05 phần bằng nhau trong đó có một suất thừa kế dùng vào việc thờ cúng ông, bà nhưng do chị A vắng mặt tại nơi cư trú nên không thực hiện được việc thỏa thuận phân chia để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Từ đó, bà L cùng chị L1, anh H thống nhất yêu cầu chia thừa kế theo di chúc được lập ngày 26/01/1999.

[3] Xét nội dung tranh chấp thấy rằng:

- Về thời hiệu khởi kiện về thừa kế, cụ Lang chết ngày 03/01/2006 có để lại di chúc. Ngày 31/10/2006, bà L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đến ngày 20/02/2013, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do không thuộc thẩm quyền bởi trong thời gian giải quyết vụ án, bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu xác định tính hợp pháp của di chúc. Ngày 25/02/2013, bà L cùng chị L1 kháng cáo nhưng không được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau chấp nhận nội dung kháng cáo. Năm 2008, chị A bỏ nhà đi nên ngày 15/5/2017, bà L nộp đơn yêu cầu tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị A nhưng không có kết quả đến ngày 24/11/2017, bà L khởi kiện. Từ các dữ liệu trên và đối chiếu với quy định pháp luật, việc bà L khởi kiện vẫn còn trong thời hạn thừa kế.

- Về yêu cầu của đương sự, tại quyết định số: 74/2013/QĐ-PT ngày 06/5/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau về giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án giữa bà Lý Thị Ngọc L với chị Lý Thị Ngọc A, Tòa án cấp phúc thẩm đã nhận định các đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án chia thừa kế nên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, với các tài liệu chứng cứ được thu thập thể hiện có 03 bản di chúc được lập gồm: bản di chúc lập ngày 26/01/1999 được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Cà Mau chứng thực ngày 03/02/1999; bản di chúc lập ngày 04/3/2004 được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Cà Mau chứng thực ngày 23/3/2004 và bản di chúc không có ngày, tháng, năm được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Cà Mau chứng thực ngày 23/3/2004 nhưng có cùng nội dung với bản di chúc được lập ngày 04/3/2004. Các bản di chúc trên đã được giám định, tuy kết luận giám định chưa đồng nhất với nhau nhưng bà L, chị L1, anh H là những người được cụ Lang chỉ định hưởng phần di sản theo di chúc xác định di chúc được lập ngày 26/01/1999 là đúng và thống nhất phân chia di sản trên. Dù rằng trong nội dung di chúc trên, cụ Lang để lại di sản cho bà L, chị A, chị L1 cùng anh H để ở, không được cầm cố hay sang bán và dùng vào việc thờ cúng nhưng hiện chị A bỏ địa phương đi không rõ tin tức, mặc dù bà L đã thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nhưng đến nay, chị A vẫn vắng mặt còn bà L, chị L1 và anh H có hoàn cảnh khó khăn, phải đi nơi khác làm thuê sinh sống nên cùng thống nhất thỏa thuận phân chia di sản theo di chúc được lập ngày 26/01/1999 làm 05 phần bằng nhau trong đó có để lại một phần di sản tương đương với phần thừa kế mà các đương sự được hưởng để dùng vào việc thờ cúng. Xét thấy,

di sản cụ Lang để lại có diện tích lớn, hiện những người được cụ chỉ định cho phần di sản trên để ở người thì bỏ đi không rõ tin tức, người thì do hoàn cảnh khó khăn không đồng ý ở mà yêu cầu chia đều đó chứng tỏ mục đích để ở không thể thực hiện được. Tuy nhiên, các đương sự cũng đã dành một phần di sản tương đương với phần thừa kế mà các đương sự được hưởng để dùng vào việc thờ cúng cũng đảm bảo được ý nguyện của cụ Lang. Do đó, yêu cầu của bà L là có căn cứ chấp nhận, cụ thể:

Đối với đất có diện tích là 102,5m<sup>2</sup> được chia làm 5 phần, mỗi người được nhận là 20,5m<sup>2</sup> và nhà có tổng diện tích 141,5m<sup>2</sup> cũng được chia làm 5 phần, mỗi người được nhận là 28,3m<sup>2</sup>. Do anh H, chị L1 không nhận hiện vật mà nhận giá trị và giao kỹ phần mình được hưởng cho bà L toàn quyền sở hữu. Đối với kỹ phần thừa kế của chị A do chị A vắng mặt tại nơi cư trú nên không thể giao hiện vật cho chị A mà giao cho bà L được sở hữu là phù hợp, bà L cũng thông nhất nhận và hoàn lại giá trị cho anh H, chị L1, chị A. Theo kết quả định giá, tổng giá trị di sản cụ Lang để lại có giá trị là 515.550.620đ nên mỗi người được chia tương ứng với số tiền là 103.110.000đ. Riêng số tiền của chị A được chia, tạm giao cho bà L quản lý, khi nào chị A trở về địa phương và có yêu cầu thì bà L có trách nhiệm giao trả lại, nếu không thì chị A có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

Như vậy, bà L được chia và được toàn quyền sở hữu phần đất có diện tích 82m<sup>2</sup> cùng căn nhà có diện tích 113,2m<sup>2</sup> tọa lạc tại số 4/16, đường Lý Bôn, khóm 2, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo bản vẽ ngày 27/3/2018. Riêng phần diện tích đất là 20,5m<sup>2</sup> và nhà có diện tích là 28,3m<sup>2</sup> dùng vào việc hương hỏa, thờ cúng ông bà. Tại phiên tòa, bà L nhận quản lý và không đặt ra yêu cầu chị L1, anh H, chị A phải trả thù lao nên chấp nhận. Bà L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý đất đai ở địa phương để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với nhà, đất trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm, bà L cùng chị L1 và anh H phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 631, 638, 639, 640, 648, 670 và Điều 733 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lý Thị Ngọc L.**

- Giao căn nhà có diện tích 141,5m<sup>2</sup> và phần đất có diện tích 102,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại số 4/16, đường L, khóm N, phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo bản vẽ ngày 27/3/2018 cho bà Lý Thị Ngọc L quản lý, sử dụng. Trong đó, phần bà L được toàn quyền sở hữu đối với đất có diện tích 82m<sup>2</sup> và nhà có diện tích 113,2m<sup>2</sup>, còn lại

phần diện tích đất là 20,5m<sup>2</sup> và nhà là 28,3m<sup>2</sup> được dùng vào việc thờ cúng tiếp tục giao cho bà L quản lý, không hưởng thù lao.

- Bà Lý Thị Ngọc L có trách nhiệm hoàn trả cho chị Ông Thị Thùy L1, anh Ông Chí H mỗi người với số tiền là 103.110.000đ (một trăm lẻ ba triệu một trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày chị L1, anh H có đơn yêu cầu thi hành án, bà L không tự nguyện thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Tạm giao số tiền 103.110.000đ (một trăm lẻ ba triệu một trăm mười nghìn đồng) của chị Lý Thị Ngọc A cho bà Lý Thị Ngọc L quản lý.

## 2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Bà Lý Thị Ngọc L phải nộp số tiền 5.155.500đ. Ngày 24/11/2017, bà L đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.700.000đ theo biên lai số 0000029 được đối trừ chuyển thu, bà L còn phải nộp tiếp số tiền 2.455.500đ (hai triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng – chưa nộp).

- Chị Ông Thị Thùy L1 và anh Ông Chí H, mỗi người phải nộp số tiền 5.155.500đ (năm triệu một trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng – chưa nộp).

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Lâm Hoài Ân**